TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12-5-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Trọng Tuấn

Ông Phạm Mạnh Hùng

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân thân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Đức Hinh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 67/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị A; ĐKHKTT: Thôn X, xã Y, huyện Z, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Nhà số D, tầng E, số F đường Gyeonggidong, phường Idong-eup, thành phố Cheoin-gu, Yongin-si, tỉnh Gyeongggi-do, Hàn Quốc; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Đinh Văn B; ĐKHKTT: Thôn X, xã Y, huyện Z, thành phố Hải Phòng; hiện nay đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy GM, địa chỉ: Xã GM, huyện Z, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị A trình bày:

Chị và Anh Đinh Văn B xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện

và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 14/11/2006. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn về kinh tế gia đình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mặt khác, do Anh B bị nghiện ma túy nên kinh tế gia đình ngày càng khó khăn. Chị A và gia đình khuyên bảo Anh B nhiều lần để cai nghiện nhưng Anh B không thay đổi. Năm 2018, Chị A sang Hàn Quốc lao động, vợ chồng mỗi người sống một nơi. Chính vì vậy, việc liên lạc, quan tâm đến nhau hạn chế. Mỗi khi anh chị gọi điện cho nhau là xảy ra bất đồng, không có quan điểm và tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Hiện nay Anh B đang đi cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy Gia Minh. Qua thời gian xa nhau, Chị A nhận thấy tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, không có nguyện vọng hàn gắn, chung sống cùng với nhau nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Do đó Chị A đề nghị cho Chị A được ly hôn với Anh B càng sớm càng tốt để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Đinh Văn C, sinh ngày 11/8/2007 và Đinh Thị N, sinh ngày 04/5/2009. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung vì Anh B bị nghiện và đang đi cai nghiện nên không có khả năng nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con chung Chị A xin được giải quyết với Anh B, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng, anh chị tự thỏa thuận với nhau.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 4 năm 2023, bị đơn là Anh Đinh Văn B trình bày như sau:

Anh và Chị Nguyễn Thị A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 14/11/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận và sinh được 02 con. Đến năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do không cùng chung quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Năm 2018, Chị A sang Hàn Quốc lao động, vợ chồng mỗi người sống một nơi. Do điều kiện địa lý xa xôi, vợ chồng dần ít liên lạc và không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt trong cuộc sống. Bản thân Anh B nhận thấy hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không tồn tại, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn dù đã được hai bên gia đình, bạn bè hòa giải nhiều lần. Nay Chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị A được ly hôn với anh, anh đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn với nhau.

Về con chung: Anh và Chị A có hai con chung là Đinh Văn C, sinh ngày 11/8/2007 và Đinh Thị N, sinh ngày 04/5/2009. Ly hôn, anh đồng ý để Chị A

được nuôi dưỡng cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, anh và Chị A tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và Chị A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị A. Về quan hệ hôn nhân: Cho Chị Nguyễn Thị A được ly hôn với Anh Đinh Văn B. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con chung là Đinh Văn C, sinh ngày 11/8/2007 và Đinh Thị N, sinh ngày 04/5/2009 cho Chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A và Anh Đinh Văn B tự thỏa thuận, không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn là Anh Đinh Văn B hiện đang sinh sống tại Hải Phòng, nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị A sinh sống tại Hàn Quốc, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị A, bị đơn là Anh Đinh Văn B vắng mặt nhưng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt Chị Nguyễn Thị A, Anh Đinh Văn B theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện: Chị Nguyễn Thị A và Anh Đinh Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 14/11/2006. Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Cả hai anh chị cùng trình bày trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do không cùng chung quan điểm sống dẫn đến thường xyên cãi vã, vợ chồng không tìm được

tiếng nói chung. Hai bên gia đình và bạn bè đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nay cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên quyết định ly hôn, cùng yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Do vậy căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Nguyễn Thị A đối với Anh Đinh Văn B.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị A và Anh Đinh Văn B có 02 con chung là Đinh Văn C, sinh ngày 11/8/2007 và Đinh Thị N, sinh ngày 04/5/2009. Ly hôn, Chị A và Anh B cùng yêu cầu Toà án giao hai con chung cho Chị A nuôi dưỡng. Xét thấy việc giao hai con chung cho Chị A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung khi ly hôn của Chị A và Anh B. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cần ghi nhận sự tự nguyện của anh chị về việc tạm thời chưa yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A và Anh Đinh Văn B tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị A và Anh Đinh Văn B được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị A.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A được ly hôn Anh Đinh Văn B.

Về con chung: Giao hai con chung là Đinh Văn C, sinh ngày 11/8/2007 và Đinh Thị N, sinh ngày 04/5/2009 cho Chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của Chị Nguyễn Thị A và Anh Đinh Văn B về việc tạm thời chưa yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A và Anh Đinh Văn B tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0006341 ngày 15 tháng 3 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị A đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Anh Đinh Văn B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Kim Dung Nguyễn Thị Luyến **Đặng Hồ Điệp**

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Minh Nguyệt Nguyễn Thành Biên Đặng Hồ Điệp

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Máy Chai, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp